

ĐI TÌM MINH TRIẾT VIỆT QUA TRUYỀN THUYẾT HÙNG VƯƠNG

ĐỖ LAN HIỀN*

Truyền thuyết hay huyền thoại được xếp vào một trong những loại hình của văn hoá dân gian bao gồm: Văn học dân gian (ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết); Nghệ thuật dân gian (dân ca, múa, nhạc, tranh...); Phong tục; tập quán; lễ nghi... Tác giả của các truyền thuyết được cho là sản phẩm của quần chúng, lưu truyền trong xã hội bằng con đường truyền miệng, nên thường tam sao thất bản, mỗi thời một khác, không biết chính xác được sinh ra từ khi nào, nội dung thì hoang đường. Chính vì vậy, đã xuất hiện những ý kiến phê bình về việc đưa truyền thuyết, huyền thoại vào “Quốc sử”, đặc biệt, câu chuyện về thời đại Hồng Bàng và Nhà nước Văn Lang với 18 đời vua Hùng cùng những tên tuổi như Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Âu Cơ. Theo ý kiến phê bình, những câu chuyện trên chỉ là những câu chuyện hoang đường, không có thật, không phải là sự mô phỏng lại thực tế lịch sử, thế mà, các nhà viết sử có tên tuổi của Việt Nam từ Ngô Sĩ Liên với bộ “*Đại Việt sử ký toàn thư*” đến Trần Trọng Kim với bộ “*Việt Nam sử lược*” và Đào Duy Anh “*Việt Nam văn hoá sử cương*”... đều đã đưa huyền thoại vào chính sử¹, xem đó như thuở ban đầu của lịch sử lập nước chúng ta,

* TS. Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

¹ Truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân, và 18 đời Hùng Vương trở thành một sự kiện mang tính “Quốc sử” chính thống, đã được đề cập đến trong hai bộ sử có tầm vóc lớn nhất của Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ, đó là, bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, và bộ *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim. *Đại Việt sử ký toàn thư*, được viết vào khoảng năm 1479 dưới đời vua Lê Thánh Tông. Trước *Đại Việt sử ký toàn thư*, có 2 bộ sử nữa là *Đại Việt sử ký*

như vậy, đã biến Sử học từ một môn khoa học với tính chất là ghi chép lại một cách chân thật các sự kiện xảy ra của một giai đoạn lịch sử nhất định thành một cuốn tiểu thuyết hư cấu? Do vậy, cần phải “viết lại” lịch sử nước nhà?²

Trong bài viết này, chúng tôi muốn phân tích, lý giải và biện minh phần nào cho việc đưa huyền thoại vào chính sử. Và vì sao chúng ta chấp nhận huyền sử như một sự thật hiển nhiên, như một giá trị văn hoá, một biểu hiện của Minh Triết Việt, là “túi khôn” của người Việt.

Như đã trình bày, việc phê bình câu truyện thủy tổ của người Việt là họ Hồng Bàng, về truyền thuyết Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Âu Cơ là những câu chuyện mang tính hoang đường, phi thực tế là đúng. Các ý kiến phê bình cũng đã viện dẫn việc Nguyễn Trãi trong *Đại Cáo Bình Ngô* cũng không nói đến thời kỳ Hùng Vương, chỉ nêu: “Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”.

của Lê Văn Hưu (khoảng năm 1272), và *Đại Việt Sử Lược* (khuyết danh), ra đời khoảng cuối thế kỷ XIV dưới thời nhà Trần, nhưng hoàn toàn không đề cập đến truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ. Bộ sách của Lê Văn Hưu đã bị thất truyền từ lâu, nhưng Ngô Sĩ Liên đã sử dụng phần lớn bộ sách của Lê Văn Hưu khi soạn *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng có ghi thêm sự kiện: Vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra người con tên Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ bây giờ phía Bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía Đông giáp bể Nam Hải. Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm 2879 trước Tây Lịch và lấy con gái Động Đình Quân là Long nữ đẻ ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: “Ta là dòng dõi Long Quân, nhà ngươi dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được. Nay được trăm đứa con thì nhà ngươi đem 50 đứa lên núi, còn 50 ta đem xuống bể Nam Hải.”

Sau đó, vẫn theo “truyền thuyết”, Lạc Long Quân phong cho người con trai trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương. Hùng Vương cai trị nước Văn Lang theo lối cha truyền con nối cho đến 18 đời, thì bị Thục Phán, từ biên cương phía Bắc, đánh bại. Thục Phán lên ngôi, xưng là An Dương Vương, đổi quốc hiệu là Âu Lạc (năm 258 trước Công Nguyên).

² Báo *Thanh niên* (2/3/2008) có đăng bài “*Những phát hiện lịch sử gây chấn động dư luận*” của Thiền sư Lê Mạnh Thát, trong đó, những quan điểm của Thiền sư nêu ra hoàn toàn trái ngược với những gì đã nêu lên trong chính sử của Việt Nam, trái ngược lại với những gì hàng ngày chúng ta được tuyên truyền, giáo dục, ví dụ: không có Triều đại An Dương Vương, không có thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất (từ năm 179 trước công nguyên cho đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 sau công nguyên). Không có sự kiện Triệu Đà xâm lược và làm vua Âu Lạc vv... (xin đọc thêm Lê Mạnh Thát “*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*”, Nxb.TP.Hồ Chí Minh, t.2, tr.23...

Sự phê bình việc đưa huyền thoại vào “Quốc sử” là ý hướng của các học giả chỉ muốn ưu tiên đến những yếu tố thực tại khách quan của việc viết sử, tức là, cần phải coi trọng những bằng chứng cụ thể mang tính vật chất, tính hữu hình, khách quan để xác minh “chân giá trị của lịch sử”, nếu không, thì cho đó là không chân thực, là không đáng tin cậy, là sai lầm và không nên đưa vào Quốc sử. Đây cũng là một quan điểm đối với việc viết sử mà chúng ta cần tham khảo, theo đó, cần phải tôn trọng sự thật khách quan, không nên mang “xúc cảm chính trị” vào trong việc viết sử để lịch sử trở nên “méo mó” đi.

Tuy nhiên, trong thời kỳ xa xưa khi lịch sử chưa thành văn, thì vết tích của nó phải được xây dựng lại bằng huyền thoại, dù huyền thoại đó có hay không có vương vấn với các dấu tích lịch sử mang tính vật chất hay hữu hình. Việc đưa huyền sử về thời đại Hồng Bàng và Nhà nước Văn Lang với truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ vào “Quốc sử” mang một ý nghĩa khác: huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ diễn tả tâm tư, triết lý, tiềm thức tập thể của dân tộc ta từ ngàn xưa. Đó là niềm kiêu hãnh về dòng giống người Việt, niềm tự hào về một thời kỳ oai hùng lập nước, khẳng định và biện minh về tính tất yếu của cội nguồn lịch sử dân tộc và chủ quyền chính trị cũng như ý thức bảo vệ chủ quyền ấy. Huyền thoại ấy phản ánh đúng tâm tình của người Việt, nên nó được *chấp nhận*, được ghi nhớ, truyền tụng và người dân thuộc lòng nó, coi đó là *hiện thực hiển nhiên*, nên nó có thể có mặt trong những trang Quốc sử. Đây là một quan điểm khác trong cách viết sử, cho phép khai thác tính chất “tượng trưng” của huyền thoại, chứ không khai thác huyền thoại ở khía cạnh là sự mô phỏng lại thực tế lịch sử.

Khoa học ngày nay chưa kiểm chứng được chính xác chiều dài lịch sử cai trị của thời kỳ Hùng Vương là 2600 năm hay có thể ngắn hơn, dài hơn? Có nhiều hơn hay ít hơn con số 18 đời vua Hùng? Song, điều đó không đồng nhất với việc là không có thời kỳ Hùng Vương. Thêm nữa, con số 18 đời Hùng Vương không thể “giải mã” một cách khô khan, máy móc về mặt số học và cho đó là không hợp lý, không logic về mặt thời gian³, mà con số “18” ấy và truyền thuyết Âu Cơ, Lạc Long Quân phải được suy luận, phải được giải mã với một ý nghĩa khác - ý nghĩa “Minh Triết” của cha ông chúng ta gửi gắm ở trong đó.

³ Có ý kiến cho rằng, theo sử sách, thời đại Hùng Vương kéo dài hơn 2600 năm (từ năm 2879 đến 258 trước công nguyên), mà chỉ có 18 đời Vua Hùng, vậy mỗi đời vua Hùng kéo dài gần 150 năm là con số phi thực tế?

Trước hết, truyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đẻ ra “một bọc trăm trứng” đã diễn tả minh triết của cha ông chúng ta về một vấn đề: dù người Việt có trăm dòng *Họ*, nghìn cái *Tên* khác nhau, nhưng tất cả đều cùng chung một thủy tổ. Tinh thần gia tộc, tình nghĩa đồng bào, coi nhau như anh em được khẳng định không chỉ ở yếu tố *cùng một huyết thống*, cùng một *Mẹ* (cùng một bọc mà ra), mà còn là *mối quan hệ có tính chất thần bí* vì cùng sinh ra từ “một bọc trăm trứng”. Chính trong cái tinh thần của tín ngưỡng thần bí ấy mà mối liên hệ, tình đoàn kết của người Việt sẽ mạnh hơn, bền chặt hơn cả yếu tố địa lý, kinh tế hay ngôn ngữ. Nhiều truyện cổ tích của các tộc người khác ở nước ta cũng có nội dung tương tự giống truyền thuyết Âu Cơ sinh bọc trăm trứng như truyện cổ tích của người Mường, nhưng khác ở điểm, người Mường không gọi “Hùng Vương” là vua, Hùng Vương chỉ là một trong nhiều tên gọi khác nhau để chỉ những tù trưởng của các bộ tộc mà thôi.

Thứ đến, truyện Lạc Long Quân (thuộc dòng giống Rồng ở trên cạn) lấy Âu cơ (thuộc dòng giống Tiên ở dưới thủy cung), rồi sau chia tay người lên *Núi*, kẻ xuống *Biển*... rõ ràng là có sự tiếp nối của lối tư duy cặp đôi lưỡng phân, lưỡng hợp: Tiên - Rồng; Núi - Nước; Âm - Dương của cha ông ta, mà giới nghiên cứu văn hoá đã chứng minh một cách hết sức thuyết phục rằng, đối với người Việt, tư duy *Lưỡng phân*, *Lưỡng hợp* bọc lộ rất đậm nét qua khuynh hướng *cặp đôi* được thể hiện ở khắp nơi: từ tư duy, lối sống đến những thói quen hiện đại sau này. Ví dụ, trong quan niệm của nhiều dân tộc trên thế giới, Vật tổ (Tôtem) chỉ là một loài động vật cụ thể như chim, chó sói, bò... thì Vật tổ của người Việt lại là *Một cặp đôi Tiên - Rồng*. Lối tư duy Lưỡng phân, Lưỡng hợp này khiến người Việt khi nói đến *Núi* là nghĩ đến *Nước*, nói đến *Cha* là nghĩ đến *Mẹ*, “Công Cha như *Núi* Thái Sơn, nghĩa Mẹ như *Nước* trong nguồn chảy ra”. Người Trung Hoa chỉ nói ông Tơ Hồng (người se duyên), thì người Việt nói “Ông Tơ - Bà Nguyệt”⁴. Tư duy cặp đôi lưỡng phân lưỡng hợp Núi - Nước, Âm - Dương này theo suốt và bắt gặp lại trong nhiều truyền thuyết khác của cha ông chúng ta sau này như truyền thuyết “Chử Đồng Tử và Tiên Dung”; Sơn tinh - Thủy Tinh; Trầu - Cau; vv...

Thêm nữa, con số “18” đời vua Hùng có thể không phải là con số trên thực tế, nhưng không phải là con số vô tình, mà đó là con số huyền nhiệm, không ngẫu nhiên cha ông chúng ta lại thích dùng con số 18, trong truyện “Phù Đổng Thiên vương”, chàng trai Phù Đổng cũng xin

⁴ Trần Ngọc Thêm “*Cơ sở Văn hoá Việt Nam*”, năm 1999, Nxb.Giáo dục, tr. 56-60.

vua đúc cho mình cây gậy sắt dài 18 thước. Con số 18 là kết quả của 2 lần 9, mà con số 9 cũng là con số linh nghiệm, trong truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy tinh, Vua Hùng Vương thứ 18 cũng đòi các chàng rể của mình phải kiếm được gà 9 cựa, ngựa 9 hồng mao. Con số 9 lại là 3 lần 3, mà 3 cũng là con số linh nghiệm liên quan đến thuyết Tam tài (Thiên - Địa - Nhân) của người Việt, Tam tài cũng là một bộ ba điển hình đại diện cho hàng loạt những bộ ba khác trong tư duy của người Việt: Trời - Đất - Nước (Tam phủ); Sơn Tinh - Thủy Tinh - Mỵ Nương; Trầu - Cau - Vôi vv...⁵. Như vậy, con số 18 là con số linh nghiệm mà cha ông chúng ta đã dùng, nên các sử gia thời trước có thể đã “đeo gọt” lịch sử thời đại Hùng Vương cho “ăn khớp” và “ứng” với con số 18 linh nghiệm đó. Nên mới xuất hiện con số 18 đời Hùng Vương dựng nước trong các bộ sử lớn của Việt Nam.

Như vậy, việc dựng nước của các “vua Hùng” không phải là chuyện hoang đường, có chăng chỉ nên *bỏ bớt* đi những yếu tố thần, tiên liên quan đến việc cha ông chúng ta trong thuở hồng hoang ban đầu dựng nước. Song, thần, tiên hoá các nhân vật lịch sử có thật, có công lao trong việc dựng nước, giữ nước và lập đền, miếu để tôn thờ họ như những bậc thánh thần lại là một đặc trưng văn hoá tôn giáo của người Việt. Nếu tước bỏ nó đi thì chúng ta không thể giải thích được vì sao người dân Việt, trong quá khứ cũng như sau này, thường tôn thờ những bậc anh hùng có công dựng nước, dẹp giặc giữ nước như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Quốc Tuấn, cho đến Hồ Chí Minh và coi họ như những bậc thánh thần. Thêm nữa, người Việt thần tiên hoá các nhân vật lịch sử có thật, thậm chí xây dựng cả một huyền thoại về họ cũng là để tôn vinh họ, và trong bầu không khí tâm linh đó con người ta dễ đồng cảm hơn, dễ tiếp nhận hơn, nhân vật lịch sử đó càng trở nên hấp dẫn hơn. Thử đến, huyền thoại hoá những sự kiện lịch sử để nó trở nên dễ ghi nhớ hơn, dễ truyền tụng từ đời nọ sang đời kia hơn những dòng chữ ghi chép một cách khô khan các sự kiện lịch sử. Và lại, việc lập đền đài, miếu mạo để thờ cúng

⁵ Theo GS. Trần Ngọc Thêm, người Trung Hoa thích dùng con số chẵn 4, 6, 8 như: *Tứ thư* (kinh điển của Nho giáo: Luận Ngữ, Đại học, Trung Dung, Mạnh Tử); *Tứ đức* (Công, Dung, Ngôn, Hạnh); *Tứ trụ* (4 vị đại thần trong triều đình Phong Kiến); *Lục súc* (6 loại vật nuôi: ngựa, bò, dê, gà, chó, lợn), *Bát âm* (âm thanh của 8 loại nhạc cụ) vv... Trong khi đó, người Việt chúng ta lại tư duy theo số lẻ, thích dùng cách nói theo số lẻ như: 3 chìm 7 nổi, 9 lênh 10 xuống; Mua danh 3 vạn, bán danh 3 đồng; 3 hòn 7 vĩa; 5 bè 7 mối; 5 thê 7 thiếp...

Theo GS, trong Tam tài “Trời - Đất - Người” là thể hiện triết lý của người Việt cổ về cấu trúc không gian vũ trụ, ... (Xem Trần Ngọc Thêm “Cơ sở Văn hoá Việt Nam”, năm 1999, Nxb. Giáo dục, tr.60-61).

họ cũng là để ghi nhớ công lao của họ - một thứ văn hoá “uống nước nhớ nguồn” của người Việt, là cách tốt nhất lưu lại dấu tích cho muôn thuở con cháu về sau⁶.

Nói tóm lại, câu chuyện họ Hồng Bàng và truyền thuyết Hùng Vương của người Việt là một trong những câu chuyện thần thoại dân gian, nhưng khi được đưa vào “Quốc sử” thì nội dung của nó mang ý nghĩa tượng trưng, nó soi dẫn cho chúng ta tìm đến những tư tưởng minh triết của người xưa, niềm kiêu hãnh về cội nguồn tổ tiên, về việc xác lập và khẳng định chủ quyền quốc gia và việc quyết tâm bảo vệ nó, nên nó cần và có thể “có mặt” trong vị trí của những trang “Quốc sử”. Do đó, không nên đổ lỗi cho các nhà làm sử đã đưa huyền thoại vào “Quốc sử”, như vậy có nghĩa là chúng ta đã không hiểu minh triết của cha ông mình và cả tâm ý của những người viết sử chân chính thời xưa.

⁶ Lăng Kinh An Dương Vương hiện ở tỉnh Bắc Ninh, theo các cụ già làng, thì lăng đó tồn tại từ lâu lắm, nhiều đời nay đã thấy có rồi.

Đền thờ Hùng Vương nay thuộc Lâm Thao Phú Thọ, tương truyền đó là kinh đô của các vua Hùng. Đền có ba phần, *Đền Hạ* dưới chân núi thờ My Nương Tiên Dung và công chúa Ngọc Hoa - con gái vua Hùng thứ 18. *Đền Trung* ở lưng chừng núi thờ các danh nhân đời Hồng Bàng như Phù Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Sơn Tinh (Tân Viên sơn thần), các lạc hầu, lạc tướng... *Đền Thượng* trên đỉnh núi thờ các vua Hùng, trong Đền có bức hoành phi viết 4 chữ: **Nam Bang Thủy Tổ**, giữa ban thờ bày bài vị của 18 đời vua Hùng. Theo Ngọc phả ghi lại: Thục Phán sau khi chiếm nước Văn Lang, cho dựng đền Dao Đài trên núi Nghĩa Lĩnh thờ các vua Hùng, và tìm người trong tông phái Hùng Vương để trông coi và phụng tự, cấp ruộng hương hỏa để lấy hoa lợi dùng vào việc cúng lễ. Bên ngoài Đền có lăng với bia đá khắc chữ: **“Quốc tổ Hùng Vương lăng”**, từ xa xưa, các triều đại đều miễn sưu thuế cho dân làng để lo bảo trì và hương khói đền Hùng.